

Bản tin Phân tích kỹ thuật

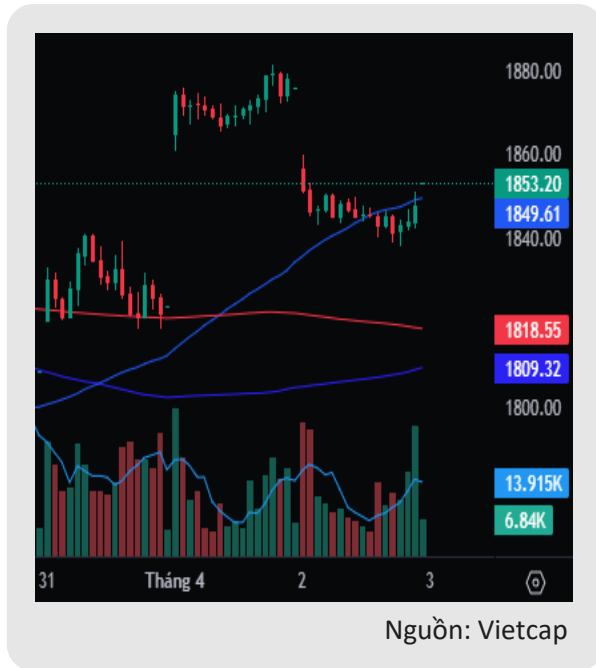
02/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 thu hẹp một phần đà giảm sau khi tiếp cận vùng 1.840 điểm. Ngoài ra, hợp đồng đóng cửa vượt đường MA20, cải thiện khả năng tiếp cận vùng 1.860 điểm (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua với mục tiêu là 1.860 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.845 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.850 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.860 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.845 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Tiêu cực

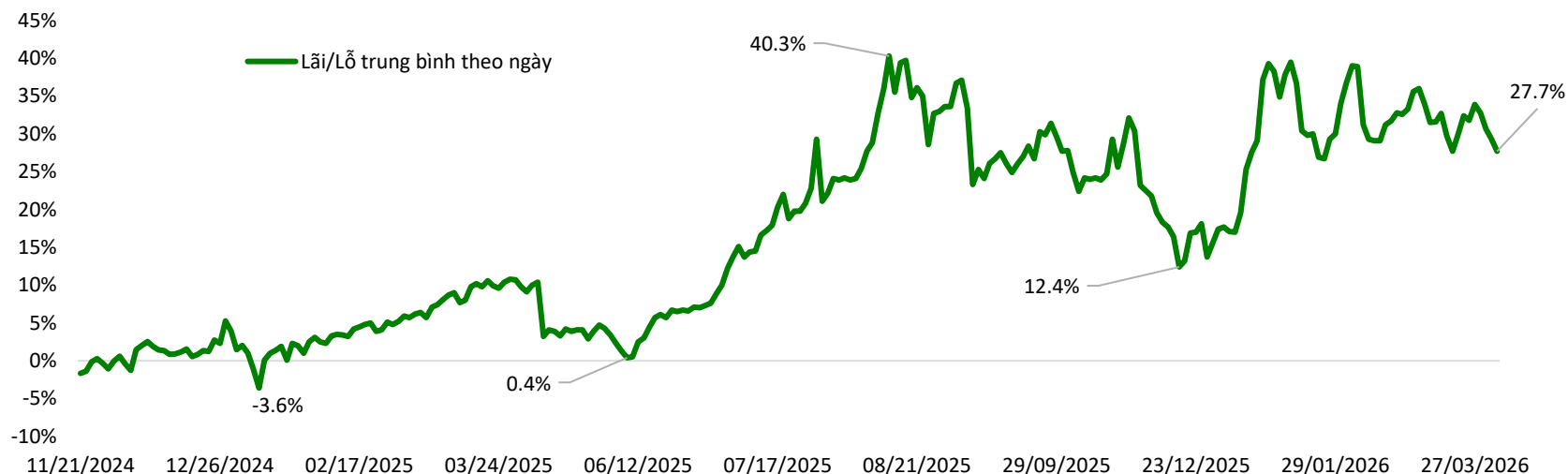


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán xuất hiện trên diện rộng ở hầu hết các nhóm ngành nhưng mức độ vẫn thấp. Ở chiều ngược lại, lực mua giá thấp ghi nhận tại nhóm Phân bón & Hóa chất, Công nghiệp và Bất động sản, dù độ lan tỏa còn hẹp.
- Diễn biến cung cầu cho thấy trạng thái giằng co vẫn chi phối VN-Index. Theo đó, chỉ số có thể tiếp tục rung lắc trong phiên 03/04, với kháng cự gần tại 1.715–1.725 điểm (quanh MA100) và hỗ trợ gần tại 1.680 (+/-10) điểm (quanh MA20).
- Về mặt ngành, áp lực bán dù thấp ở nhóm Ngân hàng nhưng lực mua diện rộng vẫn chưa hình thành, trong khi nhóm Chứng khoán tiếp tục chịu sức ép từ lực bán ngắn hạn. Ngược lại, nhóm Viễn thông, DV Tiện ích, Xây dựng và Bảo hiểm có dư địa phục hồi tốt hơn trong phiên 03/04.
- Nếu VN-Index lùi về vùng hỗ trợ, lực mua giá thấp sẽ tập trung rõ hơn tại nhóm Ngân hàng, Tiêu dùng và Bán lẻ.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	82,500	75,400	9.4%	71,000	82,500	80,000	92,000
REE	26/03/2026		Đang mở	66,300	70,900	-6.5%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	27,800	28,100	-1.1%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026		Đang mở	82,000	83,600	-1.9%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	117,900	6.99%	16.62%	484,264	8.145	10,200	2.0	11.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIC	139,900	-0.78%	7.62%	1,078,074	-2.024	1,468	7.3	95.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VCB	58,200	-1.36%	0.52%	486,300	-1.587	4,210	2.2	13.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	36,800	5.14%	5.14%	89,605	1.109	1,613	3.1	22.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VPB	26,250	-2.05%	0.19%	208,265	-1.029	3,024	1.2	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	39,700	-1.37%	2.06%	289,019	-0.951	4,267	1.7	9.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	141,000	-2.08%	-4.08%	182,519	-0.915	5,516	10.1	25.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,300	-1.29%	1.48%	266,406	-0.830	4,455	1.5	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCB	30,350	-1.46%	0.66%	215,067	-0.756	3,577	1.3	8.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,700	-1.63%	-1.99%	189,899	-0.743	4,730	2.9	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	51,000	-1.73%	-2.49%	117,891	-0.492	2,713	2.7	18.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	61,100	-1.77%	0.83%	115,187	-0.490	3,150	1.9	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	25,900	-1.52%	-4.95%	129,689	-0.475	1,041	2.1	24.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	41,800	-1.42%	0.00%	124,868	-0.425	3,824	2.7	10.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	26,300	-0.75%	1.94%	211,846	-0.385	3,325	1.6	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	156,100	-4.53%	9.93%	31,220	-0.634	9,851	6.1	15.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBS	20,200	2.71%	8.94%	20,219	0.246	1,879	2.5	10.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
IDC	48,000	-2.64%	2.56%	18,216	-0.215	5,090	2.8	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	82,300	-0.60%	-1.67%	74,052	-0.201	17,930	4.3	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	17,100	-2.29%	7.55%	15,381	-0.158	1,500	1.2	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	81,200	1.63%	1.50%	19,020	0.139	4,709	2.3	17.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	11,200	1.82%	2.75%	12,008	0.098	1,141	0.9	9.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HUT	16,700	-1.18%	-2.34%	17,840	-0.095	514	1.7	32.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	10,800	-0.92%	0.93%	20,786	-0.086	0	1.5	183,410.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NTP	56,200	-1.92%	2.74%	9,612	-0.083	5,805	2.3	9.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

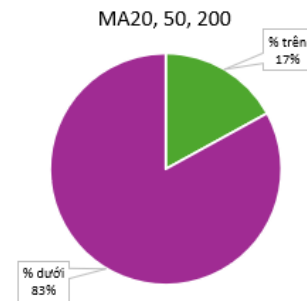
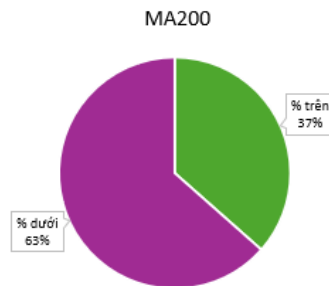
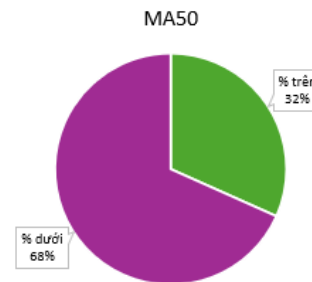
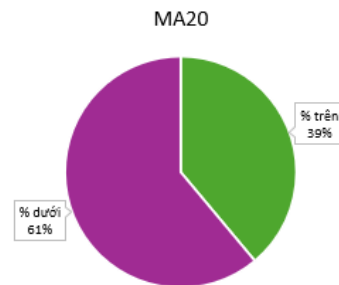
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	93,300	-2.10%	-2.71%	284,612	-0.146	3,056	6.9	30.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	47,800	-4.02%	-2.45%	52,596	-0.051	10	4.3	4,655.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	84,600	-2.87%	4.06%	62,669	-0.044	4,627	5.8	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	46,400	-1.07%	3.11%	165,822	-0.043	3,019	2.4	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VCR	44,000	-9.65%	10.00%	8,958	-0.021	-369	6.0	-115.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
AGX	252,800	23.92%	23.02%	2,726	0.016	31,903	2.6	7.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MVN	51,400	-0.96%	3.84%	60,741	-0.014	1,622	4.3	31.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	169,500	2.73%	33.15%	15,344	0.010	11,764	7.7	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VUA	17,300	11.61%	4.85%	3,460	0.010	51	12.8	337.0	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VEA	33,200	-0.90%	0.00%	44,121	-0.010	5,380	1.7	6.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	36,800	5.1%	534.6	239.4	26,688	35,700	3.1	22.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TIN	169,500	2.7%	14.3	5.2	16,800	165,000	7.7	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCL	60,900	1.7%	57.5	26.3	19,850	59,900	3.0	227.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NSH	5,800	5.5%	9.0	1.4	3,600	5,500	0.5	34.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	117,900	7.0%	1922.8	609.5	47,000	149,500	2.0	11.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NSH	5,800	5.5%	9.0	1.4	3,600	5,500	0.5	34.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVI	81,200	1.6%	13.0	5.4	51,667	112,500	2.3	17.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026	27/03/2026	26/03/2026	25/03/2026	24/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	31%	31%	30%	31%	31%	28%	29%	26%
		Dưới	69%	69%	70%	69%	69%	72%	71%	74%
	MA50	Trên	26%	28%	27%	26%	25%	23%	24%	19%
		Dưới	74%	72%	73%	74%	75%	77%	76%	81%
	MA20	Trên	47%	53%	44%	39%	39%	29%	28%	18%
		Dưới	53%	47%	56%	61%	61%	71%	72%	82%
VN30	MA200	Trên	33%	43%	37%	37%	40%	27%	30%	20%
		Dưới	67%	57%	63%	63%	60%	73%	70%	80%
	MA50	Trên	10%	23%	0%	0%	0%	0%	3%	0%
		Dưới	90%	77%	100%	100%	100%	100%	97%	100%
	MA20	Trên	57%	67%	50%	33%	27%	23%	20%	10%
		Dưới	43%	33%	50%	67%	73%	77%	80%	90%
HNX	MA200	Trên	39%	40%	42%	40%	38%	38%	38%	36%
		Dưới	61%	60%	58%	60%	62%	62%	62%	64%
	MA50	Trên	35%	36%	36%	35%	33%	31%	32%	27%
		Dưới	65%	64%	64%	65%	67%	69%	68%	73%
	MA20	Trên	39%	40%	42%	40%	38%	38%	38%	36%
		Dưới	61%	60%	58%	60%	62%	62%	62%	64%
UPCOM	MA200	Trên	34%	36%	34%	35%	33%	31%	31%	27%
		Dưới	66%	64%	66%	65%	67%	69%	69%	73%
	MA50	Trên	34%	33%	33%	33%	32%	31%	32%	29%
		Dưới	66%	67%	67%	67%	68%	69%	68%	71%
	MA20	Trên	38%	39%	39%	38%	37%	37%	38%	36%
		Dưới	62%	61%	61%	62%	63%	63%	62%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 4										Tháng 3									
		02 ↓	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06
✓ 1	Y tế	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-
2	Bảo hiểm	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35
! 3	Điện, nước & xăng d...	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75
4	Bất động sản	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24
5	Bán lẻ	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52
6	Xây dựng và Vật liệu	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44
7	Ô tô và phụ tùng	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42
✖ 8	Tài nguyên Cơ bản	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48
9	Dịch vụ tài chính	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59
10	Hàng & Dịch vụ Cộn...	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62
✖ 11	Dầu khí	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90
12	Du lịch và Giải trí	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27
13	Ngân hàng	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37
✖ 14	Hóa chất	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69
15	Thực phẩm và đồ uống...	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38
✖ 16	Hàng cá nhân & Gia ...	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63
17	Công nghệ Thông tin	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	117,900	7.0%	16.6%	484,264	2.0	11.6	10,200	1,922.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HPG	27,350	0.7%	5.6%	209,924	1.6	13.6	2,013	1,360.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCK	36,800	5.1%	5.1%	89,605	3.1	22.8	1,613	534.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GEE	208,300	0.6%	23.3%	76,238	9.5	23.4	8,918	270.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	58,200	-0.3%	2.3%	18,627	3.6	47.7	1,221	64.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIN	169,500	2.7%	33.2%	15,344	7.7	14.3	11,764	14.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SIP	60,900	-0.8%	8.2%	14,745	2.9	11.2	5,464	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDG	29,600	2.1%	0.0%	10,951	1.6	14.2	2,082	96.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	13,700	-1.4%	6.6%	8,548	1.1	38.9	352	37.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PHR	63,000	1.3%	4.1%	8,536	2.1	17.9	3,529	18.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,650	-0.6%	8.4%	6,612	1.2	9.8	3,220	17.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SEA	47,300	-1.5%	6.3%	5,906	2.4	28.7	1,646	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	60,900	1.7%	7.6%	4,448	3.0	227.9	267	57.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSH	37,500	1.9%	-0.8%	4,220	2.2	6.9	5,456	8.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,200	0.0%	1.5%	1,538	1.8	30.3	668	24.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MST	8,900	2.3%	7.2%	1,011	0.9	36.0	247	25.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAV	8,800	2.3%	25.7%	607	0.9	-26.3	-335	6.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	13,950	-0.4%	8.6%	437	1.2	11.7	1,198	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNM	8,400	1.2%	6.3%	373	0.8	21.4	393	7.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NSH	5,800	5.5%	23.4%	120	0.5	34.4	169	9.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	28,700	-1.9%	-1.7%	53,813	1.6	12.5	2,298	32.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	40,400	-0.7%	1.3%	51,332	2.0	19.2	2,106	104.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	48,800	-0.8%	-1.2%	14,143	2.0	27.1	1,803	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGT	12,000	-2.4%	-3.2%	6,029	0.8	7.1	1,703	9.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	27,400	-0.4%	-1.8%	3,967	1.8	6.3	4,318	30.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	10,000	-1.5%	0.0%	1,918	0.9	23.7	422	9.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,000	-0.9%	0.9%	1,858	1.5	137.0	168	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	16,000	-1.8%	-0.3%	1,831	0.7	11.8	1,362	12.9	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,650	-1.2%	-0.8%	1,771	0.8	5.8	2,177	14.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,200	-1.4%	0.5%	486,300	2.2	13.8	4,210	330.9	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,700	-0.8%	0.7%	127,252	3.5	13.5	5,515	389.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	60,800	-0.8%	-0.3%	127,069	4.1	13.5	4,503	174.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	14,850	-2.3%	-2.0%	68,217	1.0	5.7	2,604	1,647.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	33,200	-0.9%	0.0%	44,121	1.7	6.2	5,380	15.9	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DSE	23,400	-1.5%	0.9%	10,021	2.3	30.3	773	5.0	Tiêu cực	-5.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	28,800	-1.0%	-0.3%	6,708	2.1	17.0	1,700	6.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,100	-1.0%	-0.5%	6,359	0.8	7.0	1,437	15.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCM	22,800	-1.1%	-1.7%	2,554	1.1	9.5	2,402	10.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,800	-3.5%	-3.5%	1,932	1.1	13.0	1,064	32.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HQC	2,580	-1.5%	-0.8%	1,617	0.3	21.2	122	8.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,550	3.28%	19.46%	13,600	86.0%	581	0.7	13.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STK	13,950	-0.71%	-5.10%	25,500	81.5%	357	1.1	39.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	54,000	6.93%	3.25%	91,200	80.6%	7,965	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,450	0.00%	4.33%	24,000	66.1%	231	1.1	62.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	26,150	-1.32%	2.75%	43,700	64.9%	936	1.6	27.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,700	-0.80%	0.67%	116,600	54.8%	5,515	3.5	13.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,500	-1.17%	3.87%	45,800	53.4%	1,805	1.1	16.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	27,550	-1.25%	4.55%	40,800	46.2%	1,971	2.2	14.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	36,150	-2.43%	2.12%	54,000	45.7%	1,638	1.8	22.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	28,650	-1.72%	1.24%	42,400	45.5%	1,916	1.6	15.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	40,200	0.00%	-4.29%	58,100	44.5%	3,616	1.4	11.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	26,250	-2.05%	0.19%	38,000	41.8%	3,024	1.2	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	21,550	-0.92%	-3.79%	30,800	41.6%	2,208	1.2	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	13,900	-1.77%	-2.11%	20,000	41.3%	884	0.7	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACV	46,400	-1.07%	3.11%	64,600	37.7%	3,019	2.4	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLC	23,000	-0.86%	0.88%	31,900	37.5%	168	1.5	137.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,450	-2.68%	1.68%	64,100	37.3%	3,130	2.4	14.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BWE	43,000	-0.12%	0.23%	58,700	36.4%	4,506	1.6	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCB	30,350	-1.46%	0.66%	41,500	34.7%	3,577	1.3	8.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,600	-0.84%	0.00%	32,000	34.5%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn